TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **218**/2018/QĐST-VHNGĐ	*Hai Bà Trưng, ngày 31 tháng 10 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình về việc xin ly hôn thụ lý số 682/2018/TLST-VHNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2018, giữa:

Người yêu cầu:

- **Anh Nguyễn Quang T.,** sinh năm 1967

Đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 107A, tổ 19, thị trấn C., quận N., thành phố Hà Nội.

- **Chị Bùi Tú A.,** sinh năm: 1970

Đăng ký hộ khẩu thường trú và ở tại: Số 20 ngách 30 ngõ 191 phố M., phường M., quận H., thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Mục 1.1-1.II Danh mục mức án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 10 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc ly hôn.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành ngày 23 tháng 10 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Anh Nguyễn Quang T.,** sinh năm 1967

- **Chị Bùi Tú A.,** sinh năm: 1970

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Quang T. và chị Bùi Tú A. cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, cùng nhất trí thuận tình ly hôn.

Về con chung: Anh Nguyễn Quang T. và chị Bùi Tú A. cùng xác nhận có 02 con chung là: Nguyễn Duy A., sinh ngày: 20/5/1997 và Nguyễn Minh H., sinh ngày: 04/8/2001. Khi ly hôn, hai bên thống nhất thỏa thuận giao cho chị Tú A. trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H. kể từ tháng 10 năm 2018 cho đến khi cháu H. trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh T. có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Nguyễn Duy A. đã trưởng thành, sức khỏe bình thường và có khả năng lao động, anh T. và chị Tú A. không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nhà ở chung: Anh Nguyễn Quang T. và chị Bùi Tú A. tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh Nguyễn Quang T. và chị Bùi Tú A. cùng xác nhận vợ chồng không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh T. tự nguyện chịu cả 300.000 đồng tiền lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng lệ phí số 0004350ngày 16/10/2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND quận Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng;
- UBND phường M. Khai, quận H., Hà Nội (đăng ký ngày 28/11/1996);
- Lưu hồ sơ.

Phạm Thị Thanh Phương